

Ủy ban Dân tộc và Miền núi sử dụng bộ máy hành chính của Ủy ban phục vụ các hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 2.- Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa có nhiệm vụ:

- Phối hợp các Bộ, ngành, chính quyền các địa phương và các đoàn thể nhân dân thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các ngành, các địa phương thực hiện chương trình.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 66/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 về việc thay đổi Trưởng ban và Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để bảo đảm đồng bộ việc chỉ đạo bảo vệ môi trường với nhiệm vụ cung cấp nước sạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm thôi giữ chức Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

Bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Chu Tuấn Nhạ làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

Điều 2.- Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nay đặt tại Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trong các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên trong Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 6/1998/CT-TTg ngày 23-1-1998 về việc tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động.

Sau 5 năm thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đã có tiến bộ cả về nhận thức, tổ chức và kết quả thực hiện. Tuy vậy, số lượng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động gia tăng đang là vấn đề xã hội bức xúc hiện nay. Đây là những đối tượng có nguy cơ cao bị xâm hại bởi các tệ nạn xã hội. Có tình trạng trên một phần là do các nguyên nhân kinh tế - xã hội: tình trạng thiếu việc làm, thất học, tăng khoảng cách giàu nghèo, sự xuống cấp về đạo đức trong một số gia đình...; mặt khác cũng do việc phối hợp và tập

trung giải quyết của các ngành, các cấp chưa đúng mức, đồng bộ và có hiệu quả.

Để thực hiện tốt hơn Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Nghị quyết kỳ họp thứ 10 ngày 25 tháng 11 năm 1996 của Quốc hội Khóa IX, Nghị quyết số 5-CP ngày 11-1-1997 của Chính phủ, Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em và hướng ứng tuyên bố của các Hội nghị Quốc tế ở Stockholm, Oslo nhằm thực hiện mục tiêu ngăn ngừa, giải quyết có hiệu quả và giảm nhanh số lượng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động vào năm 2000, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội soạn thảo và trình Chính phủ cuối tháng 3 năm 1998 Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động chưa thành niên; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam và các cơ quan có liên quan xây dựng đề án ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động trình Thủ tướng Chính phủ cuối tháng 5 năm 1998, nghiên cứu, xây dựng chính sách bảo vệ và giúp đỡ trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào tháng 6 năm 1998; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật lao động liên quan đến lao động chưa thành niên.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan nghiên cứu chế độ học phí, xây dựng chính sách khuyến học thích hợp đối với học sinh nghèo, đối với vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và những vùng có khó khăn trình Thủ tướng Chính phủ cuối quý II năm 1998; mở rộng hình thức giáo dục thích hợp nhằm thu hút hầu hết trẻ em trong độ tuổi được đến lớp và được phổ cập tiểu học.

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc biệt là trẻ em ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, biên giới, vùng có khó khăn.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Ủy ban Thể dục Thể thao, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam và các cơ quan có liên quan nghiên cứu xây dựng chính sách và tổ chức nâng cao đời sống văn hóa và tinh thần, thể chất

lành mạnh cho trẻ em; xây dựng đề án về các cơ sở tập luyện, bồi dưỡng năng khiếu, vui chơi cho trẻ em ở cộng đồng, ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn và trình Thủ tướng Chính phủ giữa quý II năm 1998.

5. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường công tác quản lý hộ khẩu ở xã, phường, đặc biệt chú ý quản lý, kiểm tra những tổ chức và cá nhân có sử dụng lao động trẻ em để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; bổ sung mục tiêu và biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em làm trái pháp luật vào chương trình phòng chống tội phạm.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Bộ Tài chính, phối hợp với các cơ quan liên quan có kế hoạch cân đối ngân sách cho công tác ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động.

7. Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xác định vai trò của gia đình và cộng đồng trong chiến lược bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ và giúp đỡ cần thiết để gia đình đảm đương được trách nhiệm này trước xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào tháng 11 năm 1998, tăng cường công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách này; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức thi điểm các mô hình hoạt động và tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước, các tổ chức nhân đạo, từ thiện góp phần hỗ trợ công tác ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động và báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào tháng 3 năm 1998; hoàn thiện Chương trình hành động bảo vệ đặc biệt trẻ em trình Thủ tướng Chính phủ vào tháng 3 năm 1998; phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng kế hoạch, vận động các tổ chức thành viên tham gia thực hiện chủ trương: toàn dân chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phấn đấu hạn chế trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động.

8. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ủy ban Bảo vệ và

chăm sóc trẻ em Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia hướng dẫn các đài địa phương, các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, về chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, về quyền và bổn phận của trẻ em, về trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng, về phương pháp giáo dục con trong gia đình, về các gương người tốt việc tốt trong công tác ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động.

9. Ngăn ngừa, giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động phải là một trong các mục tiêu của chương trình kinh tế - xã hội của địa phương được thể hiện một cách cụ thể thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế gia đình. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng nắm vững tình hình trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động để có kế hoạch, biện pháp giải quyết đồng bộ, hiệu quả; tham gia chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" và "Người lớn gương mẫu, trẻ em chăm ngoan"; phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên duy trì và phát triển các tổ hòa giải ở thôn, bản, ấp, tổ dân cư, vận động hạn chế tình trạng ly hôn, hàn gắn hạnh phúc gia đình, đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền, giáo dục thực hiện pháp luật đến từng gia đình, từng người dân nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người trong việc quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình, trong cộng đồng, đặc biệt là trẻ em gái, không để cho các cháu bỏ nhà đi lang thang hoặc phải đi làm thuê sớm.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và hàng năm báo cáo kết quả với Thủ tướng Chính phủ.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 14/1998/QĐ-TTg ngày 24-1-1998 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng duyên hải Nam - Trung Bộ giai đoạn từ nay đến năm 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4246-NN/KH/TTr ngày 22-11-1997 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư tại Công văn số 8530-HĐTD ngày 31-12-1997,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng duyên hải Nam - Trung Bộ gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa giai đoạn từ nay đến năm 2010, với những nội dung chính như sau:

1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

1. Lấy công nghiệp làm trọng tâm đột phá phát triển kinh tế vùng theo hướng sắp xếp lại cơ cấu ngành nhằm phát triển các nhóm ngành chủ đạo, có lợi thế về nguồn nguyên liệu gắn với tài nguyên các cảng nước sâu, hình thành các khu công nghiệp tập trung, trước hết là dải Liên Chiểu - Đà Nẵng - Dung Quất và Nha Trang - Diên Khánh - Cam Ranh. Hướng mạnh về công nghiệp chế biến sản phẩm xuất khẩu, coi trọng đầu tư chiều sâu, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ kết hợp quy mô lớn có trọng điểm thu hút nhiều lao động.

2. Tập trung phát triển ngành kinh tế biển để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển